TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 18/01/2019
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan Anh và Ông Nguyễn Đình Quế.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019. Tại trụ sở TAND huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị S Sinh năm 1983 (Có mặt).

ĐKHK: Thôn C - xã Ng - huyện Th - tỉnh B

Hiện Trú tại: Thôn Kh - xã Th - huyện Th - tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T Sinh năm 1983 (Vắng mặt).

ĐKHKTT: Thôn C - xã Ng - huyện Th - tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến T, ngày 02 tháng 07 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ng - Th - tỉnh B. Sau khi tổ chức lễ kết hôn chị về nhà anh T chung sống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuối năm 2010 thì mâu thuẫn đã trầm trọng và chị bỏ về nhà đẻ ở từ đó đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T để mỗi người có cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị S trình bày chị xác định vợ chồng không có gì và chị không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Tiến T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị S về thời gian kết hôn cũng như cuộc sống chung của vợ chồng là đúnng và anh xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ và đất nông nghiệp: Anh xác định vợ chồng không có gì và anh không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh T đều vắng mặt và anh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung , công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Các đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí : Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt và anh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phía bị đơn anh Nguyễn Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với anh Nguyễn Tiến T vào ngày 02 tháng 07 năm 2005, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng - Th - tỉnh B đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S; Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T là có thật, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2010 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh T đã có bản tự khai và anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị S, tuy nhiên Tòa án triệu tập anh đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh đều vắng mặt và anh đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tại phiên toà hôm nay anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh; Xét thấy lời đề nghị của chị S xin được ly hôn anh T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Tiến T là phù hợp.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Tiến T trình bày vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Tiến T đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị S đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01469 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt án vắng mặt hoặc niêm yết kết quả bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh BN.*
- *VKSND huyện Thuận Thành..*
- *THA huyện Thuận Thành.*
- *UBND xã Ng.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn